TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐST-DS	Thạnh Trị, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2019, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1980.

HKTT: ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Số 2/8 đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1962, Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền đề ngày 08/4/2019

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1952.

2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Bùi Thị B**.

2/ Ông **Phan Ngọc C**

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị A và ông Lê Văn T thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 15/05/2012 giữa ông Nguyễn Văn D với vợ chồng bà Nguyễn Thị A, ông Lê Văn T. Phần đất có tổng

diện tích 299.4m^2 (phần đất thuộc thửa 1130 có diện tích 242,7m^2 và phần đất thuộc thửa 85 diện tích 56,7m^2), tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T có số đo tứ cạnh như sau:

- **Phần đất (3)** có diện tích 242,7m^2, thửa 1130, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất thửa 1130 của ông Lê Văn T có số đo 27m.

+ Hướng Tây giáp phần đất thửa 84 của Nguyễn Thị A, có số đo 27m.

+ Hướng Nam giáp thửa 85 có số 9m.

+ Hướng Bắc giáp phần đất bãi bồi (đánh dấu số 2) có số đo có số 9m.

- **Phần đất (4)** có diện tích 56,7m^2 thửa 85 tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất của thửa 85 có số đo 6,6m.

+ Hướng Tây giáp phần đất thửa 84 của Nguyễn Thị A có số đo 6m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Lê Văn T có số đo 9m.

+ Hướng Bắc giáp thửa 1130 có số đo 9m.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B và ông Phan Ngọc C đồng ý giao phần đất (4) diện tích 56,7m^2 thuộc 01 phần thửa 85, tờ bản đồ số 11 tọa lạc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho bà Nguyễn Thị A và ông Lê Văn T để bà A và ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D, phần đất thứ tư (4) theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T có tứ cạnh và số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất của thửa 85 có số đo 6,6m.

+ Hướng Tây giáp phần đất thửa 84 của Nguyễn Thị A có số đo 6m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Lê Văn T có số đo 9m.

+ Hướng Bắc giáp thửa 1130 có số đo 9m.

* Đối với phần diện tích đất bãi bồi các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, phần đất có tứ cạnh như sau:

- **Phần đất thứ nhất (1)** có diện tích 22,5m^2, có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất của Phan Ngọc N có số đo 4,5m.

+ Hướng Tây giáp phần đất của Nguyễn Thị A có số đo 4,5m.

+ Hướng Nam giáp lộ đal có số 5m.

+ Hướng Bắc giáp sông Tà Niền 5m.

- **Phần đất thứ hai (2)** có diện tích 50m^2, có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất của Phan Ngọc N và ông Lê Văn T có số đo 10m.

+ Hướng Tây giáp phần đất của Nguyễn Thị A có số đo 10m.

+ Hướng Nam giáp thửa 1130 có số đo có số 9m.

+ Hướng Bắc giáp lộ đal 5m.

Có sơ đồ kèm theo

- *Về chi phí thẩm định, định giá:* Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 3.240.000đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Các đương sự thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu 50%, trong đó nguyên đơn ông D chịu số tiền 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng), bị đơn ông T và bà A chịu số tiền 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Do nguyên đơn đã thực hiện xong toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nêu trên (ông D đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 08/4/2019) nên bị đơn ông T và bà A có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông D số tiền 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho ông D số tiền còn dư là 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) nhận tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Tiền án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Các đương sự thống nhất thỏa thuận bị đơn ông T và bà A chịu, nhưng do ông T và bà A là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí) nên được miễn, không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008104 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phước Toàn